

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH LONG AN

Bản án số: 76/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy

2. Ông Nguyễn Ngọc Ân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 501/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 và thụ lý bổ sung ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Phương Y, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 05/8/2022, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 20/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Phương Y trình bày:

Năm 2013, bà và ông T tự quen biết nhau, sau khi phát sinh tình cảm thì tiến tới xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã LB, huyện B, tỉnh Long An ngày 17 tháng 6 năm 2013. Bà Y trình bày, sau thời gian chung sống hạnh phúc được một thời gian, có 01 con chung. Năm 2016, tình cảm vợ chồng bắt đầu có Nh ều rạn nứt do tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, Nh ều quan điểm sống bất đồng nên thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông bà cũng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay, bà về nhà mẹ ruột sinh sống, do con chung đã quen sinh sống và đi học tại xã LB nên bà vẫn để con sinh sống cùng ông Tú. Thời gian ly thân, ông bà cũng có gặp mặt khi bà đến thăm con, nhưng giữa ông bà đã không còn quan tâm nhau, khả năng hàn gắn là không có. Hiện nay, tình cảm không còn, không ai có thiện chí tiếp tục mối quan hệ hôn nhân này nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho bà Lê Phương Y được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Kim Y Nh , sinh ngày 23/7/2014. Khi ly hôn, bà yêu cầu ông Tiếp tục nuôi dưỡng con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà Y trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung tên Huỳnh Kim Y Nh trình bày nguyện vọng: Trong trường hợp ba mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với ba Huỳnh Thanh T.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh T: Ông Tvắng mặt và không cung cấp cho Tòa án ý kiến trình bày cũng như tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Tvắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: Bà Y vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Tvắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Bà Lê Phương Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Thanh T, căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết

theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Bà Lê Phương Y có yêu cầu khởi kiện đối với ông Huỳnh Thanh T, xác định bà Y là nguyên đơn, ông T là bị đơn.

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án trong suốt quá trình tố tụng. Tòa án đã tiến hành gửi cho bị đơn bản sao Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn nộp; tổng đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo thực hiện quyền đưa ra yêu cầu phản tố, Thông báo Tòa án đã thu thập được tài liệu chứng cứ và và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để bị đơn biết và thực hiện nhưng Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ, ý kiến hay yêu cầu gì của bị đơn trong vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Đồng thời, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo căn cứ tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân:

Bà Y và ông T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã LB, huyện B, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2023, quyển số 01/2013 ngày 17 tháng 6 năm 2013, nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Bà Y trình bày, sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng có Nh ều rạn nứt. Ông bà cũng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay, bà về mẹ ruột sinh sống, thời gian ly thân vợ chồng cũng có gặp mặt nhưng không còn quan tâm chăm sóc nhau để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho ông T các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy Nh ờn, ông T đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà Y, không thể hiện thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của bà Y và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo lời trình bày của bà Y cùng các chứng cứ do bà Y cung cấp thì ông bà có 01 con chung tên Huỳnh Kim Y Nh , sinh ngày 23/7/2014. Khi ông bà ly thân, bà về mẹ ruột sinh sống, do từ nhỏ cháu Nh đã sống ở xã LB và đang đi học tại đây nên bà để con lại cho ông Tnuôi dưỡng để ổn định cuộc sống của cháu. Thời gian bà tới lui thăm nom con thì nhận thấy ông Tchăm sóc con rất tốt, do đó bà mong muốn sau khi ly hôn thì con chung vẫn được ông Ttrực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi ông bà sống ly thân thì cháu Nh đều do ông Ttrực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống và việc học tập của cháu Nh đã ổn định, khả năng ông Tchăm sóc con chung tốt. Hơn nữa, cháu Nh cũng có nguyện vọng là muốn sống với ba, bà Y cũng đồng ý để ông Tnuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Nh , giao ông Ttrực tiếp nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. [2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Tvắng mặt, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà Y trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung. Ông Tvắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Bà Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Phương Y về việc “Ly hôn” đối với ông Huỳnh Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Phương Y được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Huỳnh Kim Y Nh , sinh ngày 23/7/2014 cho ông Huỳnh Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng, bà Lê Phương Y không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Lê Phương Y phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012233 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Lê Phương Y đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CC.THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã LB, huyện
B, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Thúy